

# Ảnh hưởng của giá trị chánh nghiệp đến thực hành nghề và chia sẻ lợi ích kinh tế với cộng đồng xã hội của tín đồ Phật giáo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ngô Thị Phương Lan\*, Huỳnh Ngọc Thu\*\*, Châu Hoài Thái\*\*\*

Nhận ngày 9 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 1 tháng 1 năm 2023.

**Tóm tắt:** Chánh nghiệp và chia sẻ lợi ích của cộng đồng tín đồ Phật giáo được quy định trong giáo lý của tôn giáo và trở thành bản thể trong đời sống đạo của tín đồ. Bản thể này thể hiện sự chánh nghiệp trong hoạt động kinh tế và thượng tôn pháp luật của Nhà nước. Đó là không vì mục đích lợi nhuận mà gây hại cho cộng đồng xã hội. Lợi ích đạt được được chia sẻ để giúp đỡ cộng đồng xã hội khi gặp khó khăn, khủng hoảng, nhằm hướng đến việc góp phần xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ và phồn thịnh. Bài viết này<sup>1</sup> dựa trên nguồn dữ liệu thu thập tại cộng đồng tín đồ Phật giáo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nhằm phân tích chánh nghiệp trong hoạt động kinh tế và chia sẻ lợi ích kinh tế mà tín đồ đã và đang thực hiện trong cuộc sống của họ.

**Từ khóa:** Chánh nghiệp, hoạt động kinh tế, từ thiện xã hội, tín đồ Phật giáo, Đồng bằng sông Cửu Long.

**Phân loại ngành:** Xã hội học

**Abstract:** Righteous livelihood and the sharing of profit by the Buddhist community in general and by the one in the Mekong Delta in particular are regulated in religious teachings and laws, becoming the ontology of the believers' religious life. This issue shows the righteousness of economic activities in accordance with the doctrine and respect for the State's laws. That means not for the sake of profit for themselves and their families notwithstanding causing harm to the social community. Benefits gained in life are shared to help the social community in need and in crises in order to contribute to building a just, progressive and prosperous society. The article is based on data collected directly from the Buddhist community in the Mekong Delta to analyze the impact of righteous livelihood and of sharing economic benefits that followers have been doing in life.

**Keywords:** Righteous livelihood, economic activities, sharing, social charity, Buddhist followers, Mekong Delta.

**Subject classification:** Sociology

## 1. Giới thiệu

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, đến tháng 4/2019, số lượng tín đồ Phật giáo ở Việt Nam là 4.606.543 người, đứng thứ hai sau Công giáo với 5.866.169 người (Tổng cục Thống kê, 2020, biểu 2, tr.21). Phật giáo ở Việt Nam hiện nay có ba hệ phái: Bắc tông (Mahāyāna), Nam tông (Theravāda), và Khất sĩ. Phật giáo Bắc tông có 18.446 tự viện, 541 tịnh xá, 467 tịnh thất, 998 Niệm Phật đường với tổng số tăng ni là 38.629 người. Phật giáo Nam tông được chia thành hai nhánh là

---

\*,\*\*,\*\*\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: ngophuonglan@hcmussh.edu.vn

<sup>1</sup> Bài viết này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 603.05-2019.01.

Nam tông Kinh có 106 ngôi chùa với 1.754 chư tăng và Nam tông Khơ-me có 465 ngôi chùa với 8.574 chư tăng. Hệ phái Khất sĩ có 2.000 tăng, ni và hơn 500 ngôi tịnh xá (Minh Mẫn, 2020). Tại khu vực ĐBSCL, Phật giáo được xem là một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ đồng nhất với tổng số khoảng 2,1 triệu tín đồ (thống kê năm 2019)<sup>2</sup>. Trong đó, Nam tông chiếm 57,1% (khoảng 1,2 triệu tín đồ)<sup>3</sup>, Bắc tông chiếm 40,4% (khoảng 850 ngàn tín đồ)<sup>4</sup>, Khất sĩ chiếm 2,3% (khoảng 50 ngàn tín đồ).

Trước đây, các hệ phái của Phật giáo ở Việt Nam sinh hoạt độc lập. Đến năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập. Từ đó, các hệ phái Phật giáo đều trực thuộc sự quản lý và hoạt động theo phương châm của Giáo hội, Phật giáo Việt Nam là hướng đến mục đích vì sự tiến bộ và công bình xã hội, trên tinh thần “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội”. Tinh thần đó được xây dựng dựa trên hệ thống giáo lý, giáo luật và niềm tin tôn giáo của tín đồ, và trở thành bản thể tôn giáo (religious substantivism) trong đời sống của họ. Đây là vấn đề quan trọng thể hiện lối sống thuần lý (bản thể) bên cạnh tính duy lý của cá nhân. Điều này đã từng được đề cập trong nghiên cứu của Weber (2016) khi ông cho rằng, lối sống thuần lý (phụ thuộc vào năng lực và tâm thế của con người) dựa trên nền tảng sức mạnh thần bí của tôn giáo cũng như bốn phạm đạo đức từ nền tảng tôn giáo. Chính nền tảng này đã tác động đến tâm thế/ tâm tính (ethos) của kinh tế hiện đại. Cụ thể như, tín đồ không mong có hy vọng bù đắp những thiếu sót, sai lầm của mình bằng việc gia tăng các việc tốt vào những giờ phút khác, mà việc phúc đức phải được thực hiện liên tục trong suốt cuộc đời để tạo nên một hệ thống. Trong đó, việc lao động không ngừng nghỉ không chỉ được xem là phương tiện cho cuộc sống mà còn là biểu hiện của đức tin đích thực đối với tôn giáo. Nghiên cứu của Keister (2008) còn chỉ ra, tín đồ của một tôn giáo, thông qua nghi lễ, chuẩn mực và niềm tin, con người phát triển một tập hợp năng lực và thói quen khi đưa ra các quyết định trong hành động của họ, tôn giáo đã tác động trực tiếp đến việc thực hiện các hoạt động kinh tế, kể cả việc tích lũy tài sản, tiết kiệm, cũng như vấn đề đầu tư... điều này tạo nên bản chất thật của tín đồ tôn giáo trong sự chi phối của tín lý và giáo điều, và tác động đến mọi hành vi của con người.

Bài viết này bàn về hành vi kinh tế của các tín đồ Phật giáo bị chi phối bởi chánh nghiệp. Sau đó đưa ra những bằng chứng cụ thể từ nghiên cứu điền dã về thực hành chánh nghiệp được thể hiện trong các hoạt động kinh tế và sự chia sẻ lợi ích kinh tế với cộng đồng xã hội nhằm hướng đến một xã hội trung thực, công bình, bác ái.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trên thế giới, mối quan hệ giữa tôn giáo và các hoạt động kinh tế đã được nghiên cứu và tạo nên những tranh luận khá sôi nổi trong suốt nhiều thập niên qua. Polanyi (2001) đã tổng kết hai cách tiếp cận về bản chất hành vi con người. Nếu trường phái hình thức luận (formalism) chú trọng đến tính tư lợi của con người theo quan điểm kinh tế học cổ điển; trường phái bản chất luận (substantivism) lại chú ý đến môi trường của các lựa chọn của con người. Những nghiên cứu theo bản chất luận cho rằng, xã hội là một tổng thể, không mang tính cá nhân và gia đình. Trong đời sống xã hội, hành vi

---

<sup>2</sup> Số liệu được tổng hợp từ các báo cáo tình hình sinh hoạt Phật giáo ở vùng ĐBSCL vào năm 2019 của Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

<sup>3</sup> Số lượng tín đồ của Phật giáo Nam tông Khơ-me khoảng 1,1 triệu; Phật giáo Nam tông Kinh khoảng 100.000 đồ.

<sup>4</sup> Đây là những người đã quy y Phật và có pháp danh.

của mỗi cá nhân không đơn thuần là hành động mang tính duy lý mà bị chi phối bởi các mối quan hệ xã hội, giá trị văn hóa, đạo đức xã hội và đạo đức của tôn giáo.

Tư duy của các nhà kinh tế học phương Tây hiện đại hướng tới tư lợi và tối đa hóa lợi nhuận (Laszlo Zsolnai, 2007, 2016). Tuy nhiên, các nhà kinh tế học Phật giáo lại đi theo nguyên tắc: 1) tối thiểu hóa sự đau khổ; 2) đơn giản hóa lòng ham muốn; 3) không bạo động; 4) chăm sóc thực sự; 5) rộng lượng (Tversky và cộng sự, 1992). Quan điểm chánh niệm nhấn mạnh đến việc: không làm hại ai (Kovacs và cộng sự, 2016), hay những việc phải làm như: công đức (Wilson, 2019). Các nhà sư đã áp dụng mô hình kinh tế trong hoạt động của các tự viện trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc Phật giáo (Brown và cộng sự, 2018). Các Phật tử tạo ra và phân phối công đức thông qua các hoạt động của họ và kinh tế công đức đã định hình các thực hành Phật giáo, các tổ chức, văn hóa vật chất và mối quan hệ cá nhân (Wilson, 2019).

Magnuson (2007) cho rằng, các hoạt động kinh tế không thể tách rời mà thực sự được gắn với văn hóa nhân loại. Nghiên cứu của ông nhằm mục đích thay đổi thể chế kinh tế thông qua các thực hành chánh niệm và tích hợp việc thực hành chánh niệm vào trong quản trị các doanh nghiệp cộng đồng. Song (2020) khi nghiên cứu về ảnh hưởng của Phật giáo đến sự hình thành tư duy, nguyên tắc đạo đức và hoạt động kinh tế hàng ngày của người Thái Lan, đã kết luận rằng tôn giáo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển khung ở cấp độ địa phương.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về tôn giáo chủ yếu phân tích về lịch sử, văn hóa, giáo lý, hệ thống tổ chức,... của các hệ phái Phật giáo (Thích Nhật Từ, 2021; Thích Phụng Sơn, 2007; Trần Hồng Liên, 2000, 2004). Trong khoảng 10 năm trở lại đây, xuất hiện một số bài viết về quá trình thực hiện công tác từ thiện xã hội của Phật giáo (Hoàng Thu Hương, 2018; Dương Quang Điện, 2016; Trần Hoàng Hào và cộng sự, 2013; Ngọc Quỳnh Nguyễn và cộng sự 2004). Các bài viết này chỉ ra, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, nêu cao tinh thần hộ quốc an dân và nhập thế hành đạo nhằm hướng đến xây dựng xã hội ngày một tốt đẹp hơn. Điều này đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần ổn định đời sống tâm linh, tâm lý yên tâm, an lạc cho người dân để họ xây dựng và chăm lo đời sống kinh tế gia đình.

Nhìn chung, nghiên cứu về bản thể của tôn giáo nói chung hay Phật giáo nói riêng tại Việt Nam thể hiện qua hoạt động kinh tế dưới khía cạnh chánh nghiệp và chia sẻ lợi ích kinh tế của cộng đồng tín đồ Phật giáo cần được phân tích và thảo luận thêm. Trong bối cảnh đó, bài viết cho rằng, bản thể tôn giáo thể hiện qua giáo luật, giáo lý và đạo đức chi phối mạnh mẽ đến lối suy nghĩ và hành động, thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế của tín đồ Phật giáo ở vùng ĐBSCL. Các thực hành chánh nghiệp và chia sẻ lợi ích kinh tế với cộng đồng xã hội là biểu hiện bản thể tôn giáo của tín đồ Phật giáo. Bản thể tôn giáo này đã góp phần hình thành nên đặc điểm của cộng đồng Phật giáo trong quá trình hướng tới xây dựng đời sống tốt đẹp ở hiện tại cũng như trong tương lai.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để thu thập dữ liệu, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực tế tại cộng đồng tín đồ của ba hệ phái Phật giáo ở các tỉnh/ thành như: Trà Vinh, Kiên Giang (nơi có nhiều tín đồ Phật giáo Nam tông Khome), Bến Tre, thành phố Cần Thơ (nơi có nhiều tín đồ Phật giáo Bắc Tông và Khất sĩ). Thời gian khảo sát và thu thập dữ liệu diễn ra trong hai năm, từ năm 2019 đến năm 2020. Các phương pháp được sử dụng để thu thập dữ liệu gồm: điều tra bảng hỏi, phỏng vấn sâu và quan sát tham dự kết hợp với ghi chép điền dã.

Điều tra bảng hỏi được thực hiện với 200 bảng hộ gia đình theo hạn ngạch (quota), gồm: 100 bảng của tín đồ Nam tông (chủ yếu là người Khơ-me), 85 bảng của tín đồ Bắc tông, và 15 bảng của tín đồ Khất sĩ. Số lượng bảng được hỏi khác nhau là do số gia đình tín đồ giữa các hệ phái khác nhau. Gia đình Phật giáo Nam tông đông nên được khảo sát nhiều; gia đình Bắc tông và Khất sĩ ít nên cũng được hỏi hạn chế. Bảng hỏi được điều tra theo mẫu “quả bóng tuyết” (snowball), và thực hiện nhằm thu thập thông tin tổng quát về hộ gia đình như: tình trạng nhân khẩu, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, thu nhập, thực hành tôn giáo, làm từ thiện... Trong khi đó, phỏng vấn sâu và quan sát tham dự được thực hiện để khai thác các thông tin chi tiết về chánh nghiệp và chia sẻ lợi ích kinh tế của cộng đồng với xã hội như: quan điểm, nhận thức về giáo lý, đạo đức trong thực hành kinh tế, chia sẻ lợi ích kinh tế. Phỏng vấn sâu được thực hiện với 20 cuộc, trong đó 5 cuộc dành cho trụ trì ở các chùa và 15 cuộc dành cho tín đồ.

Nguồn dữ liệu thu thập từ các phương pháp nêu trên được thống kê, phân tích và minh chứng cho các quan điểm trong bài viết.

#### **4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận**

##### *4.1. Chánh nghiệp và chia sẻ: quan điểm định hình nên bản thể tôn giáo của tín đồ*

Đối với tín đồ Phật giáo ở Việt Nam nói chung và ở khu vực ĐBSCL nói riêng, bản thể tôn giáo được xây dựng từ nhận thức qua quan điểm giáo lý, giáo luật của tôn giáo. Quan điểm này thể hiện cụ thể như:

a) *Về chánh nghiệp*: Giáo lý Phật giáo chủ trương nhận thức đạo đức dựa trên mối quan hệ “nghiệp báo - luân hồi” để tiến hành hay phán xét một hành động xã hội. Điều này được thể hiện trên bình diện cá nhân như: lòng từ bi, sự chính trực, và các quyết định đúng chuẩn mực đạo đức. Vì vậy, quan niệm về chánh nghiệp luôn được đề cao trong đời sống của tín đồ. Chánh nghiệp theo quan điểm của Phật giáo là những hành động thiện, hành động không làm đau khổ cho mình, cho người và cho tất cả chúng sanh. Ngoài ra, chánh nghiệp cũng được xét dưới góc độ nghề nghiệp, đó là những nghề chân chánh, nghề không làm đau khổ chúng sanh (Thích Thông Lạc, 2011, tr.249-250).

Trong hoạt động kinh tế, Phật giáo quan niệm, sự trao đổi hàng hóa (giá trị hàng hóa) phải đảm bảo lợi ích của hai bên, đồng thời không được làm tổn hại người khác, tổn hại đến cộng đồng và môi trường sống. Phật giáo đã kích sự bất công xã hội. Lòng từ bi được đánh giá là một trong những thước đo giá trị của các hoạt động xã hội, trong đó có hoạt động kinh tế. Giáo lý Phật giáo luôn nhắc nhở con người về bóng tối và mặt trái của vật chất. Chẳng hạn, trong hoạt động kinh tế, lợi ích có thể là miếng mồi dẫn dụ con người xa rời đạo đức, đánh mất bản ngã, trực tiếp ảnh hưởng đến tương lai (do tạo nghiệp). Ở một phương diện khác, tiếng gọi của vật chất cũng là nguyên nhân khiến con người quay cuồng trong thế giới trần tục, đánh mất dần nhận thức và nhu cầu nhận thức về hạnh phúc. Đạo đức Phật giáo tuy không hoàn toàn từ bỏ vật chất, song lại đóng vai trò hồi chuông cảnh tỉnh cho con người khi đối mặt với cái “bẫy” vật chất và dục vọng. Vật chất và lợi nhuận từ hoạt động kinh tế có sức hút mãnh liệt, có thể cuốn con người vào cõi u mê, xa lìa các điều thiện. Vì thế, cộng đồng Phật giáo ngày nay nhấn mạnh quan điểm “biết đủ là đủ” khi bàn về lợi ích kinh tế. Whitmyer khẳng định rằng, đối với Phật tử, “lao động tốt đều gắn liền với lòng yêu thương, do vậy lao động chân chính và thẳng tiến chính đáng trong xã hội thực chất là thể hiện của tình yêu thương cuộc sống, trân quý giá trị và sự đóng góp giá trị của chính mình cho cuộc sống” (Whitmyer 1994, tr.68). Tương tự, Bubna-Litic cho là “lao động luôn đòi hỏi con người phải vận dụng tư duy và phát triển năng lực sáng tạo, óc tưởng tượng, vốn là các yếu tố cần thiết cho quá trình tu dưỡng tư duy, tu dưỡng đạo đức tôn giáo” (Bubna-Litic, 2000 tr.192).

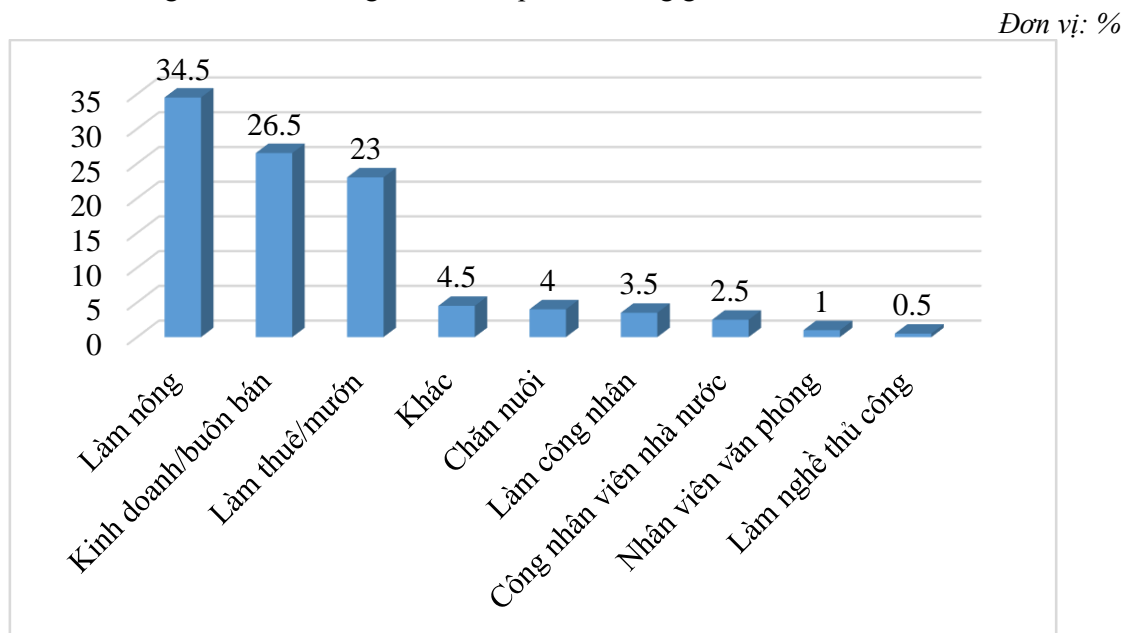
Nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy, tín đồ Phật giáo khi hoạt động kinh tế luôn hướng đến chánh nghiệp như một giá trị đạo đức. Đây chính là bản thể cốt lõi của tín đồ trong hoạt động kinh tế của họ.

b) *Về chia sẻ lợi ích*: Giáo lý Phật giáo đề cao ba thực hành cốt lõi, gồm: Giới (Sīla), Định (Samādhi), trí tuệ Bát - nhã (Prajñā). Cả ba tương tác với nhau cùng thúc đẩy cá nhân giác ngộ. Theo đó, lao động, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội với tâm thức chánh niệm là phương tiện thực hành, trực tiếp góp phần thúc đẩy quá trình “giác ngộ” của Phật tử Định (Bubna-Litic, 2000, tr.192). Vì thế, cộng đồng Phật giáo luôn chủ động trong từ thiện, công tác xã hội, cứu trợ những người thiệt thòi hay gặp bất trắc (thiên tai, bệnh tật...). Đây là hành động chia sẻ nhằm hướng đến chánh niệm và cũng nhằm giảm thiểu sự khổ đau, bất hạnh, mất mát mà cộng đồng xã hội gặp phải trong quá trình tồn tại, đồng thời lan tỏa giá trị của sự chia sẻ với những người xung quanh (cũng là sự thể hiện lòng từ bi). Sự chia sẻ cơ hội, đùm bọc nhau trong cuộc sống được ca ngợi như những giá trị nhân bản, vì hướng đến mục đích phát triển và thịnh vượng chung của cộng đồng xã hội. Đây cũng được xem là giá trị cốt lõi của tôn giáo và bản thể trong cộng đồng Phật tử ở khu vực ĐBSCL hiện nay.

#### 4.2. Thực hành chánh nghiệp

Khảo sát 200 bảng hỏi hộ gia đình tín đồ Phật giáo ở vùng ĐBSCL cho thấy, nghề nghiệp đem đến nguồn thu nhập chính trong gia đình của họ gồm: làm nông (trồng lúa, trồng cây ăn trái) chiếm tỷ lệ cao nhất (chiếm 34,5%), kinh doanh/ buôn bán (chiếm 26,5%), làm thuê/ mướn (chiếm 23%) và các nghề khác như chăn nuôi, công nhân, nhân viên nhà nước... (chiếm từ 0,5% đến gần 4,5% cho mỗi nghề) (biểu đồ 1).

Biểu đồ 1: Công việc đem đến nguồn thu nhập chính trong gia đình

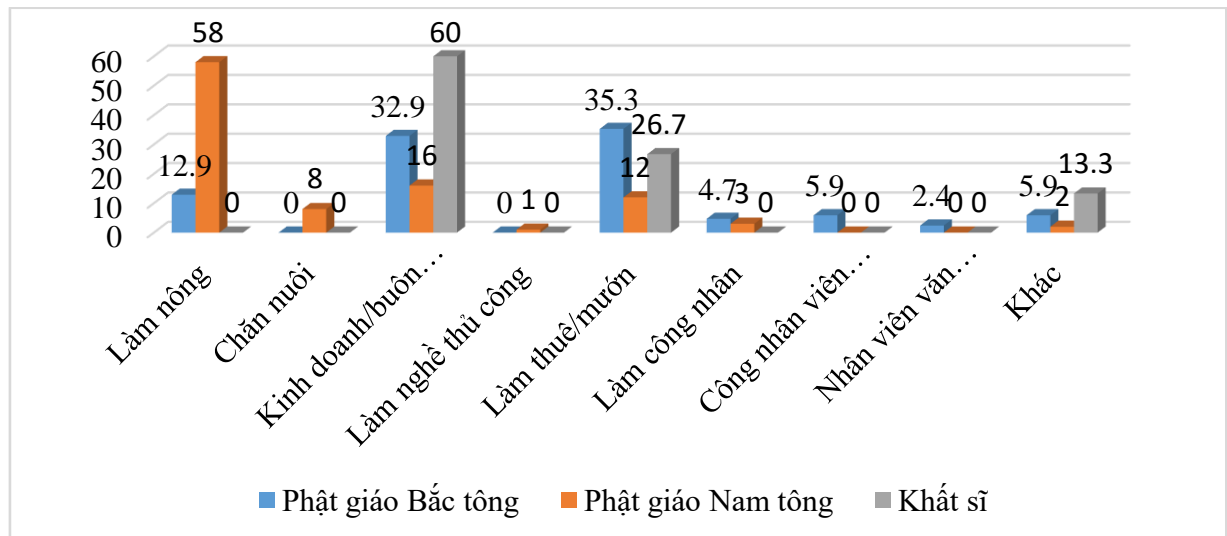


Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2019.

Ở mỗi hệ phái của Phật giáo, nghề nghiệp chính của từng nhóm tín đồ cũng khác nhau (biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Nghề nghiệp chính của gia đình tín đồ các hệ phái Phật giáo

Đơn vị: %



Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2019.

Cụ thể như tín đồ Phật giáo Nam tông (đa phần là người Khơ-me) chủ yếu làm nông, nhưng kinh doanh/ buôn bán là nghề có đông tín đồ Phật giáo Khất sĩ và Phật giáo Bắc tông thực hiện.

Yếu tố để tín đồ Phật giáo thực hiện các nghề trên phần nào bị chi phối bởi tôn giáo. Giáo lý của Phật giáo luôn nhấn mạnh đến “chánh nghiệp”, được thể hiện bằng những công việc không trái với pháp luật, trái với luân thường đạo lý của tôn giáo và của cộng đồng tộc người. Nghề nghiệp không mang tính hại người, tận diệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm suy đồi hoặc hủy hoại đạo đức cộng đồng xã hội, cộng đồng tôn giáo... Kết quả khảo cho thấy, những công việc hiện nay tín đồ Phật giáo đang thực hiện như: làm nông, dịch vụ/ buôn bán, làm thuê... được xem là những công việc phù hợp; không chỉ phù hợp với quy định pháp luật, mà còn phù hợp với quy định tôn giáo.

Phật giáo quy định hoạt động kinh tế là phương tiện phục vụ cuộc sống, không phải mục đích cuối cùng, nên đặt ra các giới hạn nhằm hạn chế các hoạt động kinh tế quá đà, vượt khỏi đạo đức tôn giáo. Do đó thực hiện các hành vi kinh tế, tín đồ cần xem nghề nghiệp là phương tiện để con người duy trì đời sống thực tại và phải dựa trên nguyên tắc của sự bình đẳng, chính trực. Một vị trụ trì cho biết: “Mỗi lần thuyết pháp, tôi đều chú trọng đến việc giảng về việc làm thế nào để sống mà không trái với giáo lý nhà Phật, đặc biệt là đối với giới trẻ người Khơ-me hiện nay thường đi làm ăn xa. Họ phải chú trọng đến đạo đức, không được làm những công việc xấu, trái với pháp luật mà ảnh hưởng đến bản thân, gia đình. Tôi nghĩ, điều này giúp ích cho họ, vì mình cảnh báo với họ thường xuyên” (Trụ trì, 53 tuổi ở Trà Vinh, 2020).

Giáo lý Phật giáo chủ trương nhận thức đạo đức dựa trên mối quan hệ “nghiệp báo - luân hồi” để tiến hành hay phán xét một hành động xã hội. Trên bình diện cá nhân, điều này được thể hiện ở: lòng từ bi, sự chính trực, và các quyết định đúng chuẩn mực đạo đức. Khi thực hiện công việc, yếu tố chánh nghiệp luôn được chú trọng. Đó là luôn đảm bảo sự công bằng giữa các đối tượng và luôn có những suy nghĩ, nhận thức đúng đắn, loại bỏ những tiêu cực; biết cân đối lợi ích, không chỉ vì mục đích cá nhân mà còn cho cộng đồng và mục đích hướng thiện. Điều này được thể hiện qua khảo sát về quan điểm làm việc của tín đồ bằng câu hỏi “Yếu tố nào ông/ bà nghĩ đến đầu tiên khi thực hiện công việc của mình?”. Kết quả phân tích 200 bảng hỏi cho thấy, tín đồ Phật giáo rất chú trọng đến đạo đức trong thực hiện công việc. Mặc dù lợi ích là mục tiêu, nhưng vẫn chú trọng đến vấn đề khác khi thực hiện công việc như “không gây hại cho người và môi trường sống”, “chỉ nên biết đủ”... điều này được thể hiện cụ thể qua phân tích của (bảng 1).

Bảng 1: Yếu tố nghĩ đến đầu tiên khi thực hiện công việc của tín đồ

Yếu tố nghĩ đến đầu tiên khi thực hiện công việc	Hệ phái Phật giáo			Tổng
	Bắc tông	Nam tông	Khất sĩ	
Phải đạt được lợi ích tốt nhất và không nghĩ gì khác	41,2	29,4	29,4	100
Đảm bảo đủ lợi ích để nuôi sống gia đình và bản thân	50,9	45,6	3,5	100
Cố gắng đạt được lợi ích tốt, nhưng không gây hại cho người khác và môi trường sống	38,1	58,7	3,2	100
Không quá tham về lợi ích, chỉ cần đủ để sống	44,2	48,8	7	100
Chú trọng đến lợi ích chung của mọi người	30	55	15	100
Tổng	42,5	50,0	7,5	100

*Nguồn:* Khảo sát của tác giả, năm 2019.

Kết quả phân tích trên cho thấy, đa phần (trên 40% ý kiến) tín đồ của các hệ phái Phật giáo khi thực hiện công việc đều hướng đến yếu tố “đảm bảo đủ lợi ích”, “không quá tham”, “không gây hại cho người khác và môi trường sống”. Cụ thể trong nghiên cứu của chúng tôi là hiện nay người Khơ-me theo Phật giáo Nam tông chủ yếu sống bằng việc trồng lúa và hoa màu. Họ sử dụng kinh nghiệm được tích lũy qua nhiều thế hệ, gọi là tri thức tộc người, để canh tác như chọn giống, lai giống, làm thủy lợi, xỏ phèn, cải tạo đất... và cũng áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất như cơ giới hóa công cụ lao động, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu... để tăng năng suất. Tuy nhiên, họ không quá lạm dụng phân bón cũng như thuốc trừ sâu, vì cho rằng sẽ gây hại cho môi trường và con người. Một nam Phật tử Khơ-me cho biết, “Minh luôn biết là sử dụng nhiều thuốc trừ sâu và phân bón hóa học sẽ có hại cho môi trường và sức khỏe người sử dụng. Điều này là rất ác, gọi là ác nghiệp, nên mình không làm. Chỉ khi nào thật cần thiết mới sử dụng, nhưng vừa phải. Nếu sử dụng nhiều những thứ đó sẽ bị quả báo về sau” (Nam, 54 tuổi ở Trà Vinh, 2020). Điều này cho thấy, tín đồ Phật giáo luôn chú trọng đến nguyên tắc cân bằng lợi ích, “biết đủ là đủ”, cân nhắc sử dụng các nguồn tài nguyên, không hủy diệt, luôn bảo vệ để tiếp tục khai thác. Quan điểm này được thể hiện trong tất cả công việc mà gia đình tín đồ Phật giáo ở ĐBCL đang thực hiện. Điều này được phân tích qua 200 bảng khảo sát sau (bảng 2).

Bảng 2: Tương quan giữa hoạt động kinh tế và vấn đề đạo đức

Đối tượng lao động (Hoạt động kinh tế chính của gia đình)	Yếu tố nghĩ đến đầu tiên khi thực hiện công việc					Tổng
	Phải đạt được lợi ích tốt nhất và không nghĩ gì khác	Đảm bảo đủ lợi ích để nuôi sống gia đình và bản thân	Cố gắng đạt được lợi ích tốt, nhưng không gây hại cho người khác và môi trường sống	Không quá tham về lợi ích, chỉ cần đủ để sống	Chú trọng đến lợi ích chung của mọi người	
Làm nông	1,4	25,7	38,6	20	14,3	100
Chăn nuôi	0	30,8	38,5	30,8	0	100
Kinh doanh/dịch vụ	21,8	30,9	16,4	21,8	9,1	100
Làm thuê	8,3	25,0	35,4	22,9	8,3	100

Làm công nhân	0	42,9	28,6	14,3	14,3	100
Viên chức nhà nước	0	42,9	42,9	14,3	0	100
Tổng	8,5%	28,5	31,5	21,5	10	100

*Nguồn:* Khảo sát của tác giả, 2019.

Kết quả phân tích cho thấy, khi thực hiện những hoạt động kinh tế của gia đình, tín đồ Phật giáo luôn nghĩ đến việc không gây hại cho người khác, đặc biệt là vấn đề gây hại cho môi trường sống. Những nghề như chăn nuôi, trồng trọt trong bối cảnh hiện nay luôn là những nghề gây tác động đến môi trường vì sự lạm dụng hóa chất trong hoạt động nghề, nhưng trong sự chi phối của giáo lý Phật giáo, tín đồ đã xây dựng cho mình nhận thức cần phải bảo vệ môi trường.

Trong hoạt động kinh doanh/ buôn bán, đa số tín đồ Phật giáo cũng không hành động theo hướng “vì lợi ích mà không nghĩ đến người khác”, đa phần đều hướng đến “đảm bảo đủ lợi ích để nuôi sống gia đình và bản thân” hay “không quá tham về lợi ích, chỉ cần đủ để sống”. Cụ thể, kết quả nghiên cứu của chúng tôi về tín đồ Phật giáo Khất sĩ cho thấy, họ luôn chú tâm đến giá trị hạnh phúc của người bán lẫn người mua. Đối với họ hạnh phúc không phải là sự giàu có về vật chất, mà là tinh thần, nên giáo lý Khất sĩ luôn khuyến khích tín đồ nâng cao đời sống và tạo ra một cuộc sống có ý nghĩa. Hoạt động kinh tế để mưu sinh là nhu cầu thiết yếu của con người. Con người cần tạo ra sản phẩm phục vụ đời sống cá nhân, gia đình và xã hội, nhưng đảm bảo được sự chân chính, trung thực nhằm đóng góp vào việc duy trì trật tự xã hội. Khi phỏng vấn những Phật tử Khơ-me làm nghề buôn bán (chủ yếu là bán hàng tạp hóa ở trong khu vực cư trú và tại các chợ ở Trà Vinh), chúng tôi được biết họ luôn chú trọng đến nguyên tắc không lừa dối, buôn gian, bán thiếu... và điều này trở thành nguyên tắc sống của họ. Một nữ Phật tử người Khơ-me chia sẻ, “bán tạp hóa này lời không nhiều, nhưng được cái tiện cho bà con trong xóm, họ thiếu ít mắm, muối, hay đường, bột ngọt thì đến mua chỗ mình, mình cũng có đồng ra đồng vào chi tiêu. Ở đây mình không nói thách hay bán giá cao, vì người dân mình đều khó khăn, hơn nữa ở gần chùa thì cũng phải biết tích đức để tạo quả phước” (Nữ, 57 tuổi ở Trà Vinh, 2020).

Ngoài ra, tín đồ Phật giáo cũng luôn nghĩ đến luật nhân - quả của Phật giáo trong mọi hành xử. Chính điều này giúp họ kiểm soát hành vi trong đời sống nói chung và trong hoạt động kinh tế nói riêng để không tìm kiếm, làm giàu từ những việc bất chính, vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội. Như vậy, rõ ràng là niềm tin, giới răn, chuẩn mực đạo đức tôn giáo là bản thể chi phối đến mục tiêu và phương thức thực hiện hoạt động kinh tế của tín đồ Phật giáo ở vùng ĐBSCL.

#### 4.3. Chia sẻ lợi ích kinh tế với cộng đồng xã hội

Giáo lý Phật giáo luôn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự giảm thiểu nỗi đau mất mát, bất hạnh mà cộng đồng xã hội đã và đang gặp phải qua việc chia sẻ lợi ích. Do đó, cộng đồng tín đồ Phật giáo ở khu vực ĐBSCL luôn chú trọng đến việc đóng góp nguồn lực làm từ thiện. Kết quả phân tích 200 bảng khảo sát cho thấy, 100% hộ gia đình đều có đóng góp từ thiện trong năm 2019. Tuy nhiên, mức đóng góp có sự khác biệt tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mỗi gia đình. Cụ thể, những gia đình có mức kinh tế từ khá đến giàu đa phần góp từ thiện với số tiền từ 500 nghìn VNĐ trở lên; Ngược lại những gia đình nghèo hoặc đủ ăn chỉ góp ở mức từ vài chục đến 100 nghìn VNĐ một lần (bảng 3). Góp tiền từ thiện là yếu tố “gần như bắt buộc” của tín đồ Phật giáo nhằm giúp ích cho cộng đồng xã hội, nên gần như toàn bộ tín đồ Phật giáo ở vùng ĐBSCL đều thực hiện. Một nữ tín đồ chia sẻ, “giáo lý Phật giáo luôn chú trọng đến việc chia sẻ, giúp đỡ người nên dù nghèo cũng cố gắng làm từ thiện. Làm từ thiện sẽ không mất, mà mình sẽ được phước báu về sau. Luật nhân - quả của đạo nói vậy” (Nữ, 52 tuổi ở Bến Tre, 2020).



Bảng 3: Tương quan giữa kinh tế và số tiền từ thiện gần nhất của gia đình tín đồ

Đơn vị: %

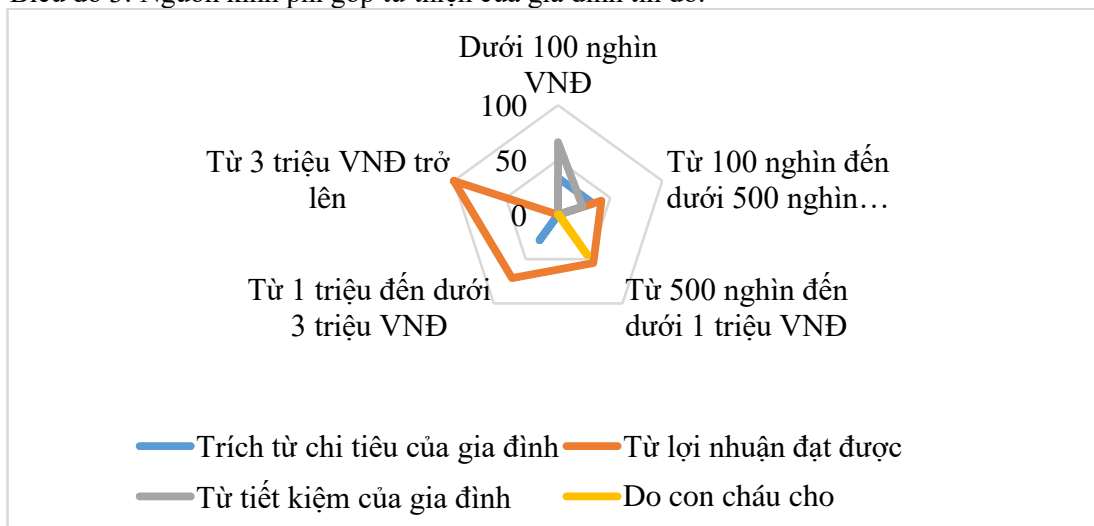
Hệ phái Phật giáo	Kinh tế gia đình	Số tiền làm từ thiện gần nhất					Tổng
		>100.000đ	100.000đ --- >500.000đ	500.000đ --- >1triệu	1 triệu --- >3 triệu	≥ 3 triệu	
Phật giáo	Nghèo	100	0	0	0	0	100
Bắc Tông	Đủ ăn	48,2	48,2	1,8	1,8	0	100
	Khá	0	42,9	28,6	14,3	14,3	100
	Giàu	0	42,9	14,3	14,3	28,6	100
Phật giáo	Nghèo	93,3	6,7	0	0	0	100
Nam Tông	Đủ ăn	49,3	46,3	3	1,5	0	100
	Khá	0	66,7	0	13,3	20	100
	Giàu	0	66,7	33,3	0	0	100
Khất sĩ	Đủ ăn	28,6	57,1	14,3			100
	Khá	0	100	0			100

Nguồn: Khảo sát của tác giả, 2019.

Nơi tín đồ thường góp tiền từ thiện là cơ sở tôn giáo, cụ thể là tại các chùa. Kết quả phân tích 200 bảng hỏi cho thấy, có đến 55% đóng tiền từ thiện tại chùa, 29,5% góp cho các hội đoàn do chính quyền kêu gọi và 15,5% góp cho các cá nhân tự nguyện góp. Đề cập đến vấn đề này, một nam tín đồ cho biết: “Tôi thường và tin tưởng khi góp tiền từ thiện cho các chùa, vì các thầy ở đây sẽ không làm sai lệch số tiền mà Phật tử đóng góp. Còn ở những nơi khác gia đình tôi ít đóng góp, có đóng cũng không nhiều như góp tại chùa” (Nam, 55 tuổi ở Trà Vinh, 2019).

Nguồn kinh phí để góp từ thiện được trích từ lợi ích có được trong hoạt động kinh tế, từ quỹ chi tiêu hoặc từ tiết kiệm của gia đình. Nguồn kinh phí của việc làm từ thiện sẽ quyết định số tiền đóng góp. Kết quả phân tích cho thấy, số tiền đóng góp từ lợi nhuận kinh tế cao hơn các nguồn khác (biểu đồ 3).

Biểu đồ 3: Nguồn kinh phí góp từ thiện của gia đình tín đồ.



Nguồn: Khảo sát của tác giả, năm 2019.

Bên cạnh việc góp tiền từ thiện, tín đồ Phật giáo còn cùng các chùa tổ chức các hoạt động từ thiện để chia sẻ với cộng đồng xã hội. Khảo sát cho thấy, hàng năm, các chùa tại ĐBSCL đều thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội bằng hình thức phát tiền, lương thực, thực phẩm cho những gia đình nghèo khó,

gặp thiên tai, bệnh tật... vào những dịp lễ lớn của tôn giáo hoặc ngày lễ tết của dân tộc. Mỗi phần quà trị giá từ 200 đến 300 nghìn VNĐ, gồm: gạo, muối, nước tương, bột ngọt, đường, sữa... Những phần quà này được các chùa chuẩn bị, và thông qua chính quyền địa phương để phát đến các hộ dân theo danh sách được đề xuất. Ngoài ra, các chùa còn quyên góp để hỗ trợ cho các gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh.

Bên cạnh đó, bếp ăn từ thiện của tín đồ Phật giáo Bắc tông cũng thể hiện sự chia sẻ với cộng đồng bằng việc cung cấp các suất ăn miễn phí cho người dân vào những ngày sóc vọng hoặc lễ lớn của tôn giáo. Ngoài ra, việc xây dựng nhà tình thương, làm đường, xây cầu... là những hoạt động mang tính từ thiện xã hội luôn được các chùa ở ĐBSCL chú trọng thực hiện trong nhiều năm gần đây. Số tiền để xây dựng một ngôi nhà tình thương có giá trị từ 30 đến 50 triệu VNĐ/căn. Số tiền một cây xây cầu hoặc đường bê tông có giá trị từ vài trăm triệu đến trên một tỷ đồng. Khảo sát của chúng tôi tại chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me ở Kiên Giang cho thấy, nơi đây thường xuyên thực hiện từ thiện xã hội như cấp phát quà cho các gia đình nghèo khó, cấp học bổng cho con em gia đình khó khăn. Đặc biệt, các chùa thường xuyên kêu gọi đóng kinh phí để xây dựng mới hoặc tu sửa những cây cầu cũ cho người dân ở vùng còn đi lại khó khăn.

## 5. Kết luận

Bài viết dựa trên cách tiếp cận của xã hội học tôn giáo phân tích mối quan hệ giữa giá trị tôn giáo và hoạt động kinh tế của tín đồ Phật giáo ở ĐBSCL. Kết quả khảo sát cho thấy, giáo lý Phật giáo luôn nhấn mạnh đến việc xây dựng đời sống tốt đẹp của con người ở hiện tại cũng như ở tương lai qua hình ảnh Niết Bàn - một trạng thái diệt tận tham, sân, si, hỷ, nộ, ái, ố... và sự giải thoát khỏi luân hồi, nghiệp báo để trở thành bậc chánh giác. Để đạt được điều này, tín đồ phải thực hiện những điều tử tế, trung thực nhằm đem lại lợi ích cho bản thân và cộng đồng. Điều này thể hiện rõ qua việc thực hành chánh nghiệp và chia sẻ lợi ích với cộng đồng xã hội của tín đồ Phật giáo ở ĐBSCL. Chánh nghiệp chính là thực hiện các hoạt động kinh tế một cách đúng đắn, không làm tổn hại đến người khác, hướng đến giá trị cộng đồng. Trong quá trình đó, chia sẻ lợi ích là hành động hướng đến sự bao dung, cộng cảm để xây dựng một xã hội tốt đẹp đầy tình nhân ái. Đây chính là giá trị quan trọng trong đời sống tôn giáo của tín đồ. Những giá trị này đã định hình nên bản thể tôn giáo của cộng đồng tín đồ Phật giáo ở khu vực ĐBSCL hiện nay.

## Tài liệu tham khảo

1. Dương Quang Điện (2016), “Hoạt động từ thiện xã hội của Phật giáo Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10.
2. Trần Hoàng Hào, Dương Hoàng Lộc (2013), “Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh với việc cung cấp dịch vụ xã hội cho cộng đồng (thực trạng và giải pháp)”, *Hội thảo 50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963-2013)*, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Phật giáo Việt Nam, tổ chức tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh vào ngày 12/7/2013.
3. Hoàng Thu Hương (2018), “Chuyên nghiệp hóa hoạt động từ thiện xã hội: Xu hướng nhập thế của Phật giáo Việt Nam đương đại”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 12.
4. Thích Thông Lạc (2011), *Đường về xứ Phật*, t.2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
5. Trần Hồng Liên (2000), *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam từ thế kỷ XVII đến 1975*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Trần Hồng Liên (2004), *Góp phần tìm hiểu Phật giáo Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Ngọc Quỳnh Nguyễn, Kim Phương Chừ (2004), “Hoạt động từ thiện xã hội của giáo hội Phật giáo Việt Nam những năm gần đây”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 5.

8. Thích Phụng Sơn (2007), *Những nét văn hóa đạo Phật*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
9. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
10. Thích Nhật Từ (2021), *Phật giáo Nam tông tại vùng đất Nam Bộ*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
11. Weber, Max (2016), *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản*, Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch, Nxb Tri thức, Hà Nội.
12. Brown, Clair, Zsolnai, Laszlo (2018), “Buddhist economics: An overview”, *Society and Economy*, no. 40 (4).
13. Bubna-Litic, David (2000), “Buddhism Returns to the Market-place”, *Contemporary Buddhist Ethics*.
14. Keister, Lisa A (2008), “Conservative Protestants and wealth: How religion perpetuates asset poverty”, *American Journal of Sociology*, no. 113 (5).
15. Kovacs, Gabor, & Ocsai, Andras (2016), “Mindfulness and Non-Violence in Business”, *Ethical leadership*, Springer.
16. Macionis, John J (2012), *Sociology* (14 ed.), Pearson.
17. Magnuson, Joel (2007), “Pathways to a mindful economy”, *Society and Economy*, no. 29 (2).
18. Polanyi, Karl (2001), *The great transformation: The political and economic origins of our time*, Beacon Press.
19. Song, Hee-Chan (2020), “Sufficiency economy philosophy: Buddhism-based sustainability framework in Thailand”, *Business Strategy and the Environment*, no. 29 (8).
20. Tversky, Amos, & Kahneman, Daniel (1992), “Advances in prospect theory: Cumulative representation of uncertainty”, *Journal of Risk and uncertainty*, no. 5 (4).
21. Whitmyer, Claude (1994), *Mindfulness and meaningful work: Explorations in right livelihood*. Berkeley, California: Parallax Press.
22. Wilson, Jeff (2019), “Buddhism Without Merit: Theorizing Buddhist Religio-Economic Activity in the Contemporary World”, *Journal of Global Buddhism*, no. 20.
23. Zsolnai, Laszlo (2007), “Western economics versus Buddhist economics”, *Society and Economy*, no. 29 (2).
24. Zsolnai, Laszlo (2016), *Buddhism and economic development*, Oxford University Press.
25. Minh Mẫn (2020), “Góc nhìn về vấn đề thống kê số lượng tín đồ Phật giáo”, <https://phatgiao.org.vn/goc-nhin-ve-van-de-thong-ke-so-luong-tin-do-phat-giao-d39015.html>, truy cập ngày 20/5/2022.